TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 5 năm 2018
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Lưu Quốc Nhật

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2018/TLST- HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Minh T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: Tổ 7, ấp ĐH, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đức M**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, ấp ThA, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Minh T và anh Trần Đức M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi vã, sau khi chị T sinh con thì anh M bỏ về nhà mẹ ruột sống mà không quan tâm đến gia đình, vợ, con; chị T và anh M đã sống ly thân từ

năm 2012 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Đinh Thị Minh T và anh Trần Đức M có 01 người con chung là Trần Thị Thanh N, sinh ngày 13/12/2012, hiện tại cháu N đang ở chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành và anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị Minh T và anh Trần Đức M không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16/02/2018, bị đơn anh Trần Đức M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức M và chị Đinh Thị Minh T tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, anh M và chị T chung sống với gia đình chị T và quá trình chung sống, anh M xảy ra cãi vã với chị T cùng gia đình chị T, anh có khuyên chị T sống riêng nhưng chị T không đồng ý và anh M, chị T đã ly thân được khoảng 1 năm. Trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh M đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Thanh N, sinh năm 2012, hiện nay con chung đang do chị T nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh M đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh M chỉ cấp dưỡng theo khả năng của anh mà không đồng ý với yêu cầu của chị Tâm.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Đinh Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Đức M, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng chỉ yêu cầu anh M cấp dưỡng với mức 1.000.000 đồng/tháng.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên Tòa án nhân đơn xác nhận nơi cư trú của bị đơn nhưng không có ghi trong phiếu nhận đơn, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng không lập biên bản có chữ ký xác nhận của bị đơn là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh M; về con chung: cháu N ở chung với chị T từ nhỏ đến lớn và anh M đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị

T tại phiên tòa là phù hợp với nhu cầu của cháu N và khả năng cấp dưỡng của anh M nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đức Minh có nơi cư trú tại tổ 2, ấp ThA, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù anh Trần Đức M vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Minh T và anh Trần Đức M thống nhất vợ chồng chung sống và tự nguyện kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn 144 quyển số 01/2012 ngày 08/12/2012. Vợ chồng chung số hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh M cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh M thống nhất vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 13/12/2012, khi ly hôn anh M và chị T thống nhất giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Sự thỏa thuận của anh M và chị T là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như cháu N do chị T nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến nay nên cần được ghi nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi nhưng anh M không đồng ý. Anh M và chị T đều xác định thu nhập của anh M khoảng từ 3.000.000 đến 4.000.000 đồng/tháng nên mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu của cháu N và khả năng cấp dưỡng của anh M nên yêu cầu của chị T có cơ sở được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đức M và chị Đinh Thị Minh T thống nhất không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn, anh Trần Đức M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 5, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Đinh Thị Minh T, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Minh T, sinh năm 1986; trú tại tổ 7, ấp ĐH, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước được ly hôn với anh Trần Đức M, sinh năm 1983; trú tại tổ 2, ấp ThA, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn 144 quyển số 01/2012 ngày 08/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 13/12/2012 cho chị Đinh Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và anh Trần Đức M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng mỗi tháng).

Anh M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh M và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tâm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004531 ngày 26/01/2018. Anh Trần Đức M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Đức M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhum